

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Khương Đăng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung

Ông Trương Trung Văn

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mã Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2024, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mã Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B ngày 11/5/2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L nay là huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh B ngay. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh B thường xuyên uống rượu say về nhà đánh đập và chửi bới chị. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Khi sống ly thân hai bên không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng cũng như khắc phục mâu thuẫn. Nay chị xác định đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 22/6/2008 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/4/2011; hiện nay cả hai con đang ở cùng chị T. Ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm kinh doanh tự do với mức thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dạy con được tốt nhất.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Anh B xác nhận về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị T trình bày là đúng. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 22/6/2008 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/4/2011; hiện nay cả hai con đang ở cùng chị T. Ly hôn anh đồng ý để chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Anh không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên

đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành tương đối đầy đủ các quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị Mã Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Về nuôi con: Đề nghị giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và cháu A. Hiện nay con đang ở cùng chị T. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L nay là huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống năm 2018 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi khi anh B uống rượu say về nhà vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Xác minh UBND xã H thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân, không cải thiện được tình cảm. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, bản thân anh B cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do vậy chị T đề nghị xin ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh B.

[3] Về nuôi con chung: Anh B và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 22/6/2008, Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/4/2011, hiện nay con đang ở ổn định cùng chị T. Ly hôn chị T và anh B đều có quan điểm thống nhất để chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con của chị T thấy rằng hiện nay chị đang kinh doanh tự do tại huyện C với mức thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, quá trình làm việc, ghi lời khai cả hai con đều

có nguyện vọng được ở cùng chị T. Do đó để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử thấy rằng quan điểm của các đương sự về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh B về người trực tiếp nuôi dưỡng con, cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị T và anh B không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mã Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về nuôi con: Chị Mã Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con là Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 22/6/2008 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/4/2011. Hiện nay con đang ở cùng chị T. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tâm.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3.Về án phí: Chị Mã Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0000876 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị T đã nộp đủ án phí.

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được
niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

